TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2023/DS-PT
Ngày 28/3/2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng ủy quyền"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tòng

Các Thẩm phán: Ông Tôn Văn Thông

Ông Lê Minh Đạt

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Sương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** Bà Bà Nguyễn Thị Minh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 381/2022/TLPT-DS ngày 23 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng ủy quyền.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2022/DS-ST ngày 08 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố BT bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 541/2023/QĐPT-DS ngày 03 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Bào Tấn Đ; sinh năm 1966;

Nơi cư trú: Số nhà 122, ấp X, xã P2, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

- *Bị đơn*: Bà Lê Chung T, sinh năm: 1978;

Nơi cư trú: Số nhà 152B, Tổ 19, ấp B, xã B1, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Ông Bào Tấn Đ là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Bào Tấn Đ trình bày:

Ngày 14/6/2018, ông và bà T có gặp nhau tại thành phố Cần Thơ, bà T có trình bày sự việc gia đình bà có phần đất ở huyện M nhưng không có giấy tờ rõ ràng, bà T có giao ông bản đồ thửa đất có diện 19.525,6m^2, giữa ông với bà T thỏa thuận là bà T sẽ ủy quyền cho ông liên hệ đến các cơ quan có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất đối với phần đất này. Sau khi đăng ký được phần đất diện tích 19.525,6m^2 là của ông T2 (cha bà T) thì ông nhận 30% số đất trên. Nếu phần đất 19.525,6m^2 mà nhà nước giải tỏa bồi thường bằng tiền mặt thì ông cũng được nhận 30% tổng số tiền đền bù. Tuy nhiên, bà T cho rằng ông Lê Hữu T2 có đất diện tích lớn hơn diện tích này nhưng giấy tờ không có thể hiện và sau đó ông đã tìm được phần diện tích đất lớn hơn là 40.308,8m^2.

Ngày 17/7/2018, ông và bà T đã đến Uỷ ban nhân dân Phường 3, thành phố BT làm giấy ủy quyền. Sau đó, ông đã thực hiện công việc như sau: Ông đến Ban bồi thường giải phóng mặt bằng thuộc Uỷ ban nhân dân huyện M, làm đơn kiến nghị cho bà T và Ban bồi thường giải phóng mặt bằng có Văn bản số 58/BBT ngày 19/02/2019 nội dung Công ty TNHH Đô thị Đại học Q xin tiếp tục thực hiện dự án, ông có làm tờ tự khai kê khai tài sản của ông T2 (phần này chưa giải quyết bồi thường). Sau đó, ông đến Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh để hỏi về dự án và Sở có Văn bản số 5973/SKHĐT-ĐKĐT ngày 31/7/2019 trả lời nội dung là Công ty đang phối hợp với các ngành để thực hiện thủ tục điều chỉnh dự án. Ông đến Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thì được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Văn bản số 2233/UBND-DA ngày 05/6/2019 nội dung đơn vị đầu tư phải hoàn thành chi trả bồi thường, giải quyết các khó khăn vướng mắc, hoàn thành công tác bồi thường trước ngày 15/6/2021.

Ông vẫn thường xuyên liên lạc với Ban quản lý dự án để theo dõi tình hình. Hiện nay, vẫn chưa có văn bản nào công nhận phần đất trên cho ông Lê Hữu T2. Ngày 09/01/2020, bà T đã chuyển nhượng phần đất 19.525,6m^2 cho người khác với giá 3.400.000.000 đồng. Khi bà T chuyển nhượng đất ông có hỏi thì bà T nói vẫn tính như thỏa thuận trước đó, cụ thể 3.400.000.000 đồng x 30% = 1.020.000.000 đồng. Ông đã nhận của bà T 500.000.000 đồng còn lại 520.000.000 đồng. Nay ông khởi kiện yêu cầu bà T phải tiếp tục trả cho ông số tiền là 520.000.000 đồng (năm trăm hai mươi triệu đồng) và yêu cầu tính lãi suất theo qui định của pháp luật từ ngày 09/01/2020 cho đến khi xét xử sơ thẩm. Về yêu cầu của bà T thì ông không đồng ý hủy hợp đồng ủy quyền và không đồng ý

trả lại 500.000.000 đồng.

Theo đơn phản tố và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Lê Chung T trình bày:

Bà có thỏa thuận cho ông Đ thực hiện việc làm giấy tờ đất của cha bà (là ông Lê Hữu T2) được cấp giấy chứng nhận phần đất có diện tích khoảng 40.000m^2 và bà đưa cho ông Đ bản đồ thửa đất cũng như đơn xin trích lục hồ sơ. Sau đó, bà có liên hệ ông Đ, ông Đ yêu cầu bà làm ủy quyền cho ông Đ nên bà có làm ủy quyền cho ông Đ vào ngày 17/7/2018 nhưng ông Đ chưa làm được gì cho bà theo thỏa thuận. Phần đất 19.525,6m^2 bà T không có chuyển nhượng mà chỉ ủy quyền cho người khác. Ông Đ chưa cung cấp cho bà văn bản nào xác nhận phần đất của ông T2 tại xã N, huyện M. Vào khoảng tháng 02/2020, bà đã giao cho ông Đ số tiền là 500.000.000 đồng vì ông Đ kêu bà bán đất giao cho ông Đ một số tiền để đi tới đi lui. Bà T không có thỏa thuận nào khác với ông Đ, lời ông Đ trình bày là không đúng. Số tiền 500.000.000 đồng bà T đưa ông Đ là để ông Đ tiếp tục thực hiện việc ủy quyền đối với phần đất còn lại. Văn bản thỏa thuận ngày 14/6/2018 giữa bà T và ông Đ không có chữ ký của ông Đ nên không ràng buộc nghĩa vụ của bà T. Giấy ủy quyền ngày 17/7/2018 không có thỏa thuận thù lao nên các bên có quyền hủy thỏa thuận bất cứ lúc nào. Nay bà T yêu cầu chấm dứt hợp đồng ủy quyền và văn bản thỏa thuận với ông Đ; đồng thời ông Đ phải hoàn trả lại cho bà T số tiền 500.000.000 đồng, bà T không yêu cầu lãi suất.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2022/DS-ST ngày 08 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố BT đã quyết định như sau:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bào Tấn Đ về việc yêu cầu bà Lê Chung T phải trả cho ông số tiền 520.000.000 đồng (năm trăm hai mươi triệu đồng) và yêu cầu tính lãi số tiền này từ ngày 09/01/2020 cho đến khi xét xử sơ thẩm là 113.000.000 đồng (một trăm mười ba triệu đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Chung T về việc hủy hợp đồng ủy quyền lập ngày 17/7/2018 và Văn bản thỏa thuận 16/4/2018 giữa bà Lê Chung T và ông Bào Tấn Đ.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của bà Lê Chung T đối với yêu cầu ông Bào Tấn Đ trả lại số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

4. Không chấp nhận yêu cầu bà Lê Chung T đối với yêu cầu ông Bào Tấn Đ trả lại số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo bản án, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/7/2022 nguyên đơn ông Bào Tấn Đ kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Bào Tấn Đ rút một phần yêu cầu khởi kiện và rút một phần yêu cầu kháng cáo theo đó ông Đ chỉ yêu cầu bà T trả cho ông số tiền 260.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi, Ông Đ không yêu cầu bà T phải trả cho ông số tiền 260.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền trên từ ngày 09/01/2020 cho đến khi xét xử sơ thẩm. Tuy nhiên, tại phiên tòa phía bị đơn vắng mặt nên không có căn cứ để xem xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 299 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

Đối với việc rút một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn: Xét thấy việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu kháng cáo là tự nguyện nên căn cứ Điều 298 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn về việc yêu cầu bà T phải trả cho ông Đ số tiền 260.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền trên từ ngày 09/01/2020 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

[2] Các đương sự thống nhất trình bày, ngày 14/6/2018 ông Bào Tấn Đ và bà Lê Chung T có làm văn bản thỏa thuận, nội dung bà T giao cho ông Đ liên hệ với các cơ quan chức năng có thẩm quyền yêu cầu đăng ký quyền sử dụng đất và đăng ký bồi thường phần đất do ông Lê Hữu T2 (cha của bà T) chết để lại. Phần đất sau khi đăng ký công nhận tài sản của ông T2 thì bên ông Đ được nhận 30%

số đất. Phần đất này nếu Nhà nước bồi thường bằng tiền mặt thì ông Đ được nhận 30% trên tổng số tiền thu được. Ngày 17/7/2018, ông Bào Tấn Đ và bà Lê Chung T có làm giấy ủy quyền và được chứng thực tại Ủy ban nhân dân Phường 3, thành phố BT nội dung bà T ủy quyền cho ông Đ thay mặt bà thực hiện các công việc như: Liên hệ các cơ quan chức năng để giải quyết tất cả các vấn đề liên quan đến tài sản của ông Lê Hữu T2 (cha ruột bà) để lại, tọa lạc tại ấp Nhị Tân, xã N, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi nhận ủy quyền, ông Đ có liên hệ các cơ quan chức năng để giải quyết như: Đến Ban bồi thường giải phóng mặt bằng thuộc Ủy ban nhân dân huyện M, làm đơn kiến nghị cho bà T và Ban bồi thường giải phóng mặt bằng có văn bản số 58/BBT ngày 19/02/2019 nội dung Công ty TNHH Đô thị đại học Q xin tiếp tục thực hiện dự án, ông có làm tờ tự khai kê khai tài sản của ông T2 (phần này chưa giải quyết bồi thường); sau đó ông đến Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh để hỏi về dự án và Sở có Văn bản 5973/SKHĐT-ĐKĐT ngày 31/7/2019 trả lời nội dung là Công ty đang phối hợp với các ngành để thực hiện thủ tục điều chỉnh dự án. Ông đến Uỷ ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thì được Uỷ ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Văn bản 2233/UBND-DA ngày 05/6/2019 nội dung đơn vị đầu tư phải hoàn thành chi trả bồi thường, giải quyết các khó khăn vướng mắc, hoàn thành công tác bồi thường trước ngày 15/6/2021.

Ngày 09/01/2020 bà Lê Chung T có làm Hợp đồng ủy quyền và Hợp đồng hứa chuyển nhượng – hứa nhận chuyển nhượng với bà Mai Thị Thanh Thùy nội dung: Bà T ủy quyền cho bà Thùy được thay mặt bà liên hệ với các cơ quan chức năng để giải quyết phần đất tại xã N, huyện M đồng thời bà T hứa chuyển nhượng cho bà Thùy phần đất tọa lạc tại thửa đất số 3, tờ bản đồ số 2, bộ địa chính xã N, huyện M (theo tài liệu năm 2005) (khu đất thuộc một phần thửa 12,17,18, 22 và một phần đường, tờ bản đồ số 10 bộ địa chính xã N, huyện M (theo tài liệu 02/CT-UB) với giá 3.400.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền của bà Thùy, bà T đã giao cho ông Đ số tiền 500.000.000 đồng. Các tình tiết trong vụ việc nêu trên, được các bên đương sự thừa nhận nên căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 xác định đây là những tình tiết không phải chứng minh.

[3] Tuy nhiên, ông Đ cho rằng, việc bà Lê Chung T có làm Hợp đồng ủy quyền và Hợp đồng hứa chuyển nhượng – hứa nhận chuyển nhượng với bà Mai Thị Thanh Thùy vào ngày 09/01/2020 để nhận số tiền là 3.400.000.000 đồng thì bà T phải có trách nhiệm trả cho ông 30% của số tiền trên theo như thỏa thuận ngày 14/6/2018 là 1.020.000.000 đồng vì bà T tự ý chuyển nhượng đất nên bà T phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông 30% giá trị chuyển nhượng. Ông đã nhận

500.000.000 đồng vào ngày 09/01/2020 nên ông yêu cầu bà T phải trả tiếp cho ông số tiền là 520.000.000 đồng (năm trăm hai mươi triệu đồng) và yêu cầu tính lãi suất theo qui định của pháp luật từ ngày 09/01/2020 cho đến khi xét xử sơ thẩm. Số tiền lãi được tính như sau: 520.000.000 đồng x 9%/năm x 29 tháng = 113.000.000 đồng.

Xét thấy, Giấy ủy quyền ngày 17/8/2018 giữa ông Đ và bà T ký kết, được chứng thực tại Uỷ ban nhân dân Phường 3, thành phố BT có nội dung "thù lao không có". Tuy nhiên, tại văn bản thỏa thuận ngày 14/6/2018 có nội dung "sau khi đăng ký công nhận tài sản của ông T2 thì bên ông Đ được nhận 30% số đất. Phần đất Nhà nước bồi thường bằng tiền mặt thì ông Đ được nhận 30% trên tổng số tiền thu được". Như vậy, theo thỏa thuận này thì việc thanh toán thù lao cho ông Đ sẽ được thực hiện sau khi phần đất được công nhận là tài sản của ông T2 (cha của bà T) hoặc khi phần đất bị thu hồi và được đền bù.

Tuy nhiên, theo Công văn số 468/UBND ngày 29/3/2022 của Ủy ban nhân dân xã N huyện M, thành phố Hồ Chí Minh thì: Theo tài liệu bản đồ 02/CT-UB (năm 1995), đất thuộc thửa 12,17, 18, 22, 23, tờ bản đồ số 10, xã N, huyện M có nguồn gốc của Nông trường Nhị Xuân, Uỷ ban nhân dân Thành phố thu hồi đất của Nông trường Nhị Xuân và giao cho Uỷ ban nhân dân huyện M, thành phố Hồ Chí Minh quản lý. Uỷ ban nhân dân xã N xác nhận các thửa đất trên là đất công do Nhà nước trực tiếp quản lý, không công nhận hoặc cấp cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào. Điều này chứng tỏ các vấn đề mà hai bên thỏa thuận ông Đ chưa thực hiện được và bà T cũng không thừa nhận giữa hai bên có thỏa thuận sau khi bà T nhận tiền hứa chuyển nhượng đất từ bà Thùy sẽ trả cho ông 30% giá trị của phần đất hứa chuyển nhượng. Vì vậy, việc ông Đ khởi kiện yêu cầu bà T tiếp tục trả cho ông số tiền 520.000.000 đồng và tiền lãi theo văn bản thỏa thuận ngày 14/6/2018 là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu phản tố của bà T về việc: Hủy hợp đồng ủy quyền lập ngày 17/7/2018 và Văn bản thỏa thuận 16/4/2018 giữa bà Lê Chung T và ông Bào Tấn Đ; đồng thời yêu cầu ông Đ trả lại số tiền 500.000.000 đồng mà bà đã giao cho ông Đ, sau này bà T rút một phần yêu cầu chỉ yêu cầu ông Đ trả lại 300.000.000 đồng thì các đương sự không kháng cáo, cơ quan có thẩm quyền không kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Từ những nhận định trên, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Bào Tấn Đ, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm. Đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí:

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Bào Tấn Đ phải chịu án phí là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010008 ngày 10/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 298, 299; khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Bào Tấn Đ về việc yêu cầu bà Lê Chung T trả số tiền 260.000.000 đồng (hai trăm sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi của số tiền 260.000.000 đồng (hai trăm sáu mươi triệu đồng) từ ngày 09/01/2020 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Bào Tấn Đ.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2022/DS-ST ngày 08 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ các điều 562; 563; 565; 566; 567; 568; 569; 468 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bào Tấn Đ về việc yêu cầu bà Lê Chung T phải trả cho ông số tiền 520.000.000 đồng (năm trăm hai mươi triệu đồng) và yêu cầu tính lãi số tiền này từ ngày 09/01/2020 cho đến khi xét xử sơ thẩm là 113.000.000 đồng (một trăm mười ba triệu đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Chung T về việc hủy hợp đồng ủy quyền lập ngày 17/7/2018 và Văn bản thỏa thuận ngày 16/4/2018 giữa bà Lê Chung T và ông Bào Tấn Đ.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của bà Lê Chung T đối với yêu cầu ông Bào Tấn Đ trả lại số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

4. Không chấp nhận yêu cầu bà Lê Chung T đối với yêu cầu ông Bào Tấn Đ trả lại số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

5. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Bào Tấn phải chịu là 29.320.000 đồng (hai chín triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm

ứng án phí đã nộp là 13.000.000 đồng (mười ba triệu đồng) theo biên lai thu số 0011935 ngày 07/7/2020 của của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BT, tỉnh Bến Tre. Ông Bào Tấn Đ còn phải nộp tiếp số tiền 16.320.000 đồng (mười sáu triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

Bà Lê Chung T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền là tạm ứng án phí đã nộp là 12.300.000 đồng (mười hai triệu ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0012009 ngày 28/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BT, tỉnh Bến Tre. Bà Lê Chung T còn phải nộp tiếp số tiền 2.700.000 đồng (hai triệu bảy trăm nghìn đồng).

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Bào Tấn Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0010008 ngày 10/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND thành phố BT;
- Chi cục THADS thành phố BT;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thanh Tòng